

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 324/2024/DS-PT
Ngày 25-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Ông Phạm Văn Ngọt

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2024/TLPT-DS ngày 10/5/2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1932/2024/QĐ-PT ngày 27/5/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. **Bị đơn:** Bà Lê Thị Thúy D, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn Lượm E, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. **Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Lượm E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 âm lịch, bà D có vay bà Đ số tiền 90.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, vay không thời hạn, khi nào bà Đ thu nợ thì báo trước 10 ngày. Bà D nhận tiền và ký giấy nợ. Bà D trả lãi đến tháng 6/2021 thì không trả lãi nữa và cũng không trả nợ gốc.

Ngày 15/9/2017 âm lịch, bà D vay của bà Đ số tiền 110.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, vay không thời hạn, khi nào thu nợ bà Đ thì báo trước 10 ngày. Bà D nhận tiền và ký giấy nợ. Bà D trả lãi đến tháng 6/2021 với số tiền 50.000.000 đồng thì không trả lãi nữa và cũng không trả nợ gốc.

Ngày 10/11/2018 âm lịch, bà D vay bà Đ số tiền 100.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, vay không thời hạn, khi nào bà Đ thu nợ thì báo trước 10 ngày. Bà D nhận tiền và ký giấy nợ. Bà D trả lãi đến tháng 6/2021 thì không trả lãi nữa và cũng không trả nợ gốc.

Tổng số tiền bà D vay bà Đ là 300.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, bà Đ có tham gia 04 dây hụi có lãi do bà D làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 20/3/2020 âm lịch gồm có 25 phần, mãn hụi vào ngày 20/02/2022 âm lịch. Bà Đ tham gia 03 phần, trong danh sách hụi ghi chi Út Đ1, đóng hụi được 20 tháng đến ngày 20/9/2021 âm lịch, tổng số tiền 45.150.000 đồng. Đến tháng 02/2022 thì bà D vỡ nợ và không trả tiền hụi cho bà Đ1.

Hai dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 24/4 âm lịch sau của năm 2020 (do tháng 4 nhuận). Mỗi dây gồm 25 phần, mãn hụi vào ngày 24/3/2022 âm lịch. Bà Đ1 tham gia mỗi dây 01 phần, trong danh sách hụi ghi chi Út Đ1, mỗi dây bà Đ1 đóng hụi được 18 tháng đến ngày 24/9/2021 âm lịch với số tiền 13.550.000 đồng. Đến tháng 02/2022 thì bà D vỡ nợ và không trả tiền hụi cho bà Đ1.

Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 29/5/2020 âm lịch gồm có 25 phần, mãn hụi vào ngày 29/4/2022 âm lịch. Bà Đ1 tham gia 01 phần, đóng được 17 tháng đến tháng 10/2021 âm lịch với số tiền 25.600.000 đồng. Đến tháng 02/2022 thì bà D vỡ nợ và không trả tiền hụi cho bà Đ1.

Tổng số tiền hụi bà D còn thiếu bà Đ1 là 97.850.000 đồng.

Do đó, bà Đ1 yêu cầu bà D và ông Lượm E liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2021 đến ngày 27/3/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 66.188.000 đồng và số tiền nợ hụi là 97.850.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiền nợ hụi. Bà Đ1 xin rút yêu cầu đối với số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng mà bà D đã trả.

Bị đơn bà Lê Thị Thúy D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L Em vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Do không thể tiến hành hòa giải, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và 471 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 4, Điều 15, các Điều 18 và 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Đ đối với số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng mà phía bị đơn Lê Thị Thúy D đã trả xong.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn Lê Thị Đ.

Buộc bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Đ tổng số tiền 414.038.000đ (Bốn trăm mười bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/4/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L Em kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông phải liên đới trả số tiền 414.038.000 đồng cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lượm E giữa nguyên nội dung kháng cáo, ông cho rằng toàn bộ các khoản tiền vay cũng như tiền hui mà bà Đ yêu cầu là giao dịch giữa bà Đ với bà D, ông không tham gia, không biết và cũng không sử dụng các khoản tiền này nên không đồng ý liên đới cùng bà D trả nợ cho bà Đ. Do đó, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của ông Lượm E, chị S trình bày: Bà D với ông Lượm E là vợ chồng hợp pháp, bà D vay tiền bà Đ để trả nợ ngân hàng và làm vốn, đồng thời việc chơi hui là để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, ông Lượm E phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lượm E, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, chưa

thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Kháng cáo của ông Lượm E là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Lượm E, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam nhưng có điều chỉnh án phí do ông Lượm E thuộc diện được miễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Phạm Văn Lượm E; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Thúy D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với hợp đồng vay: Căn cứ các giấy ghi nhận nợ đề ngày 10/11/2018 âm lịch, ngày 19/9/2017 âm lịch và ngày 15/9/2017 âm lịch đều có chữ ký và viết tên của bà Lê Thị Thúy D. Các giấy ghi nhận nợ này thể hiện bà D có vay của bà Đ tổng số tiền 300.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án kèm theo bản photocopy các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và đã triệu tập hợp lệ bà D, ông Lượm E nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải cũng như xét xử. Tuy nhiên, bị đơn bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L Em vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản bác các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn giao nộp nên đây là những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Như vậy, có căn cứ xác định bà D có vay của bà Đ số tiền 300.000.000 đồng. Do bà D đã trả cho bà Đ 50.000.000 đồng nên bà Đ yêu cầu bà D trả số tiền còn lại 250.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 250.000.000 đồng: Việc bà D không trả tiền lãi từ tháng 6/2021 đến nay là vi phạm thỏa thuận giữa các bên. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Đ buộc bà D trả số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất 0,83%/tháng, xác định thời gian tính lãi từ ngày 01/8/2021 đến ngày 27/3/2024 với số tiền lãi 66.188.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Về số tiền nợ hui: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và xác nhận của những người làm chứng là hui viên đã thể hiện rõ việc bà Đ có tham gia 04 dây hui có lãi do bà D làm chủ. Đối với số tiền nợ hui 97.850.000 đồng, mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết bà Đ yêu cầu bà D trả

số tiền nợ hui nêu trên nhưng bà D không có ý kiến phản bác. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà D là có căn cứ.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới:

Ông Lượm E cho rằng ông không có cùng bà D tham gia giao dịch vay, hui với nguyên đơn, số tiền bà D có được từ việc vay và chơi hui cũng không dùng vào mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu, làm kinh tế cho gia đình. Tuy nhiên, ông Lượm E và bà D là vợ chồng hợp pháp, vào thời điểm diễn ra giao dịch vay tiền và góp hui giữa nguyên đơn với bà D thì ông Lượm E và bà D vẫn sống chung nhà, giữa ông bà không có thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản chung hay tách bạch việc làm ăn kinh tế riêng, độc lập với nhau. Ngoài ra, trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông Lượm E cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc bà D dùng số tiền có được từ việc vay và tổ chức các dây hui vào mục đích riêng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Lượm E có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả số tiền nợ vay và nợ hui cho bà D là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, ông Lượm E kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Tại cấp phúc thẩm, ông Lượm E cung cấp bản sao Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, theo đó ông là thân nhân liệt sĩ và có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh án phí sơ thẩm, không buộc ông Lượm E phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà D chịu 20.561.500 đồng tiền án phí.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lượm E phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, ông Lượm E là thân nhân liệt sĩ nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Lượm E;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và 471 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 4, Điều 15, các Điều 18 và 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ đối với số tiền nợ gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mà bị đơn bà Lê Thị Thúy D đã trả xong.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ.

Buộc bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Đ tổng số tiền 414.038.000đ (Bốn trăm mười bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về án phí:

[3.1] Ấn phí sơ thẩm:

Ông Phạm Văn L Em được miễn.

Buộc bà Lê Thị Thúy D phải chịu 20.561.500đ (Hai mươi triệu năm trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.525.000đ (Chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002143 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[3.2] Án phí phúc thăm: Ông Phạm Văn L Em được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên